

Tân bình, ngày 02 tháng 10 năm 2023

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 3/2023

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường tiểu học Đồng Đa công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 3/2023 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 3/2023	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 3/2023 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	14.832	2.929	19,75%	80,00%
I	Nguồn ngân sách trong nước	14.832	2.929	19,75%	80,00%
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	14.832	2.929	19,75%	80,00%
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.311	0	0,00%	
	Trong đó: - Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	18	0	0,00%	
	-Kinh phí thực hiện Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	1.292	0	0,00%	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	13.521	2.929	21,66%	
	Trong đó: - 10% tiết kiệm chi TX không giao tự chủ	80	8	10,34%	
	- Kinh phí thực hiện chi TX không giao tự chủ	7.751	1.577	20,35%	
	- Kinh phí thực hiện Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	5.690	1.344	23,62%	

Ngày 02 tháng 10 năm 2023

Hiệu trưởng



Nguyễn Thị Dung

CÔNG KHAI
THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
QUÝ 3/2023

A. Dự toán giao :

- Kinh phí thực hiện tự chủ/kinh phí thường xuyên (nguồn 13)	:	18.406.836	đồng
+ Năm trước chuyển sang	:	18.406.836	đồng
+ Giao đầu năm	:	-	đồng
+ Điều chỉnh trong năm	:	-	đồng
- Kinh phí thực hiện tự chủ cải cách tiền lương, NQ 03 (nguồn 14)	:	1.292.354.840	đồng
+ Năm trước chuyển sang	:	1.292.354.840	đồng
+ Giao đầu năm	:		đồng
+ Điều chỉnh trong năm	:		đồng
- Kinh phí thực hiện không tự chủ cải cách tiền lương, NQ 03 (nguồn 14)	:	5.770.038.000	đồng
+ Năm trước chuyển sang	:		đồng
+ Giao đầu năm	:	80.448.000	đồng
+ Điều chỉnh trong năm	:	5.689.590.000	đồng
- Kinh phí không thực hiện tự chủ/không thường xuyên (nguồn 12)	:	7.751.212.000	đồng
+ Năm trước chuyển sang	:	-	đồng
+ Giao đầu năm	:	7.301.212.000	đồng
+ Điều chỉnh trong năm	:	450.000.000	đồng

B. Tình hình thực hiện dự toán chi NSNN quý 3/2023

I. Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 13)	:	-	đồng
II. Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 14)	:	-	đồng
Chi khác	:		0 đồng
IV. Kinh phí không thực hiện tự chủ (nguồn 14)	:	1.352.019.402	đồng
Lương theo ngạch, bậc	:	160.827.688	đồng
Phụ cấp chức vụ	:	2.573.000	đồng
Phụ cấp ưu đãi nghề	:	60.438.002	đồng
Phụ cấp theo nghề, theo công việc	:	372.000	đồng
Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	:	24.617.891	đồng
Bảo hiểm xã hội	:	31.963.159	đồng
Bảo hiểm y tế	:	5.640.557	đồng
Kinh phí công đoàn	:	3.760.372	đồng
Bảo hiểm thất nghiệp	:	1.836.697	đồng
Các khoản đóng góp khác	:	940.093	đồng
Chi khác	:	1.059.049.943	đồng



V. Kinh phí không thực hiện tự chủ (nguồn 12)	:	1.577.188.030 đồng
Lương theo ngạch, bậc	:	645.198.913 đồng
Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	:	27.424.098 đồng
Phụ cấp chức vụ	:	26.803.000 đồng
Phụ cấp ưu đãi nghề	:	210.106.020 đồng
Phụ cấp theo nghề, theo công việc	:	5.364.000 đồng
Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	:	170.889.356 đồng
Thưởng thường xuyên	:	32.035.000 đồng
Bảo hiểm xã hội	:	150.280.922 đồng
Bảo hiểm y tế	:	78.052.131 đồng
Kinh phí công đoàn	:	25.057.826 đồng
Bảo hiểm thất nghiệp	:	9.692.797 đồng
Các khoản đóng góp khác	:	1.475.050 đồng
Chi khác	:	164.505.300 đồng
Tiền điện	:	10.907.273 đồng
Tiền nước	:	1.135.602 đồng
Tiền vệ sinh, môi trường văn phòng phẩm	:	7.152.600 đồng
Cước phí điện thoại (không bao gồm khoán điện thoại; thuê bao đường điện thoại; fax	:	10.507.600 đồng
Thuê bao kênh vệ tinh; thuê bao cáp truyền hình; cước phí Internet; thu	:	9.555.000 đồng
Phim ảnh; ấn phẩm truyền thông; sách, báo, tạp chí thư viện	:	3.640.000 đồng
Khoán công tác phí	:	9.000.000 đồng
Thuê lao động trong nước	:	40.105.228 đồng
Chi mua hàng hóa, vật tư	:	5.815.000 đồng
Đồng phục, trang phục; bảo hộ lao động	:	6.000.000 đồng
Chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành	:	3.774.000 đồng
Chi khác	:	37.711.810 đồng

Đánh giá :

- Tổng chi NSNN Q3/2023 là : 1.577.188.030 đồng, đạt 17,40% dự toán năm và 95% so với cùng kỳ năm trước .

- Kinh phí thực hiện tự chủ/TX (nguồn 13) Q3/2023 là : 0 đồng, đạt 0,00% dự toán năm và 0% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân : Không giao dự toán nguồn 13

- Kinh phí thực hiện tự chủ/TX (nguồn 14) Q3/2023 là : 0 đồng, đạt 0% dự toán năm và 0% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân :

- Kinh phí không thực hiện tự chủ/TX (nguồn 14) Q3/2023 là : 1.352.019.402 đồng, đạt 23% dự toán năm và 12% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân :

Tăng hệ số hưởng NQ 03

- Kinh phí không thực hiện tự chủ / không TX (nguồn 12) quý 3/2023 là : 1.577.188.030 đồng, đạt 20% so với dự toán năm .

Tân Bình, ngày 02 tháng 10 năm 2023

Kế toán

Phan Lê Minh

Hiệu trưởng



Nguyễn Thị Dung



